TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21-8-2023
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Kỳ Trung
2. Bà Dương Thị Mỹ Liên

- **Thư ký phiên tòa**: Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa**: Ông Trần Tấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên toà số: 27/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: bà Trần Thị Hồng Đ, sinh năm: 1968; địa chỉ: ấp G, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, (có mặt);

- *Bị đơn*: ông Trần Văn N, sinh năm: 1970; địa chỉ: ấp B, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, (vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14-11-2022 và trong quá trình làm việc nguyên đơn bà Trần Thị Hồng Đ trình bày:

- *Về hôn nhân*: bà và ông Trần Văn N tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 1991, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại xã B, huyện T (nay là xã P, thị xã T). Ngày cưới bên chồng có cho đôi bông tai 01 chỉ vàng 24k, chồng lấy bán trả nợ hết. Cưới xong vợ chồng sống chung nhà chồng được 02 tháng, thì cất nhà ra ở riêng trên đất của cha mẹ chồng cho. Năm 1998 vợ chồng mua đất xây nhà ra ở riêng luôn. Thời gian chung sống đến năm 2021 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông N uống rượu về chửi nắm, đánh đập bà, ông còn lấy cuốc dí nên bà và con gái nhỏ bỏ chạy về nhà anh ruột bà ở được 07 tháng, ông N hay đến la lối chửi mắn,

nên bà thuê nhà trọ ở cho đến nay, vợ chồng sống ly thân từ tháng 10-2021. Còn trước đó ông N cũng thường xuyên đánh đập, chửi mắn bà, lúc nào có rượu thì chửi mắn nhiều hơn, ông thường xuyên đánh bà, có lần bị thủng màng nhỉ, thương tích bầm mình, có lần dùng ghế mủ đánh vô đầu bà bị ngất xỉu. Khi bà ở trọ thì ông N cũng đến để la lối, chửi mắn, hâm doạ đốt nhà trọ. Do vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2021, nên bà xin ly hôn với ông N.

- *Về con chung*: có 02 con là Trần Thị Thanh T, sinh ngày 15-12-1992 và Trần Thị Thu H, sinh ngày 01-3-1999, hiện hai cháu đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, bà không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung*: có 01 căn nhà tường ngang 05m, dài 22m, xây trên 06 công đất do vợ chồng mua, vợ chồng đứng tên giấy đất, hiện ông N đang quản lý, vợ chồng tự thỏa thuận, bà không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: không có, bà không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04-7-2023 bị đơn ông Trần Văn N trình bày: ông và bà Đ tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm nào không nhớ, có đăng ký kết hôn tại xã B, huyện T (nay là xã P, thị xã T). Cưới xong vợ chồng cất nhà ở riêng trên đất của cha mẹ ông cho, vợ chồng sống nghề giáo viên. Vợ chồng sống đến giữa năm 2022, do vợ chồng gây cãi nhau, tự vợ bỏ đi về nhà anh ruột ở, gần đây vợ thuê nhà trọ tại ấp G, xã P ở riêng mua bán tạp hoá, do vợ đã nghỉ hưu, vợ chồng sống ly thân từ giữa năm 2022 đến nay. Thời gian này vợ chồng thường gặp nhau nói chuyện bình thường, nhưng từ khi vợ bỏ đi thì không về nhà ông lần nào. Nay vợ xin ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn, ông yêu cầu đoàn tụ vợ chồng.

- *Về con chung*: có 02 con như bà Đ trình bày, hiện các con đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, ông không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung*: có nhà, đất ông đang quản lý, để vợ chồng tự thoả thuận không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: không có, ông không yêu cầu giải quyết.

Trường hợp vợ kiên quyết ly hôn thì Toà án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết, ông không đến Toà án tham gia tố tụng, do bận đi làm. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Toà án triệu tập nhiều đến thu thập chứng cứ, nhưng không đến là chưa chấp hành theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Hồng Đ đối với ông Trần Văn N; về con chung: có 02 người đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, nên không giải quyết; về tài sản chung: ông bà không yêu cầu nên

không giải quyết; về nợ chung: không có nên không giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: ông N vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: bà Đ và ông N tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 1992, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn quan hệ tình cảm với nhau từ cuối năm 2021.

[2.1] Xét thấy, do ông bà sống không phù hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, nên hay cãi vã gây gổ nhau. Theo bà Đ là do ông N hay uống rượu về chửi nắm, đánh đập bà, xách cuốc dí nên bà và con gái nhỏ bỏ đi về nhà anh ruột ở, ông N cũng đến la lối chửi mắn, nên bà thuê nhà trọ ở, vợ chồng sống ly thân từ tháng 10-2021 đến nay. Còn trước đó ông N cũng thường xuyên đánh đập, chửi mắn bà, có lần bị thủng màng nhỉ, thương tích bầm mình, có lần dùng ghế mủ đánh vô đầu bà bị ngất xỉu, hâm doạ đốt nhà trọ bà đang ở, nên bà xin ly hôn với ông N. Theo ông N là vợ chồng sống đến giữa năm 2022, có gây cãi nhau, tự vợ bỏ đi về nhà anh ruột ở, gần đây vợ thuê nhà trọ tại ấp G, xã P ở riêng mua bán tạp hoá, vợ chồng sống ly thân từ giữa năm 2022 đến nay. Thời gian này vợ chồng thường gặp nhau nói chuyện bình thường, nhưng từ khi vợ bỏ đi thì không về nhà anh lần nào. Nay vợ xin ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn, ông yêu cầu đoàn tụ vợ chồng. Toà án mời ông N nhiều lần đến công khai chứng cứ và hoà giải, nhưng ông không đến, thể hiện ông N không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[2.2] Qua xác minh thu thập chứng cứ thể hiện: ông N hay đến nhà bà Đ ở trọ để la lối chửi mắn, có khi đánh bà Đ, còn hâm doạ đốt nhà. Chứng tỏ mâu thuẫn của ông bà đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ đối với ông N là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: có 02 người con là Trần Thị Thanh T, sinh ngày 15-12-1992 và Trần Thị Thu H, sinh ngày 01-3-1999, hiện hai cháu đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, ông bà không yêu cầu nên không giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: có 01 căn nhà tường ngang 05m, dài 22m, xây trên 06 công đất do vợ chồng mua, vợ chồng đứng tên giấy đất, hiện ông N đang quản lý, vợ chồng tự thỏa thuận, ông bà không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: bà Đ, ông Nguyên k không có, nên không giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tại phiên toà là có căn cứ chấp nhận.

[7] *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: bà Đ chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,

quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 227, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Hồng Đ đối với ông Trần Văn N. Bà Đ được ly hôn với ông N.

2. *Về con chung*: có 02 con chung là Trần Thị Thanh T, sinh ngày 15-12-1992 và Trần Thị Thu H, sinh ngày 01-3-1999, hiện hai cháu đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, bà không yêu cầu giải quyết.

3. *Về tài sản chung*: ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu nên không giải quyết.

4. *Về nợ chung*: bà Đ, ông Nguyên k không có, nên không giải quyết.

5. *Về án phí*: bà Trần Thị Hồng Đ chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Đ đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0027132 ngày 28-3-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng. Bà Đ nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã Phước Bình, TX Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị An